

Số: /BC-SNN

Trà Vinh, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO

**Đánh giá thực trạng, kết quả rà soát Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND  
và đề xuất sửa đổi, nội dung Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND  
bao gồm nội dung quy định hỗ trợ trồng cây dược liệu**

Kính gửi: UBND tỉnh Trà Vinh

### PHẦN I

## KẾT QUẢ 02 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2021/NQ-HĐND NGÀY 19/3/2021 CỦA HĐND TỈNH

Thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch giao khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2021; Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung tại điểm g khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch giao khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2022; Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả 02 năm (2021-2022) thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, như sau:

### I. ĐÁNH GIÁ THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN CHUNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

#### 1. Thuận lợi

- Sở Nông nghiệp và PTNT luôn được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; sự hỗ trợ của các sở, ban, ngành tỉnh, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện.

- Các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND tương đối phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân nên việc triển khai, thực hiện cũng có thuận lợi nhất định.

#### 2. Khó khăn

- Sản xuất của tỉnh nhìn chung vẫn còn quy mô nhỏ, phân tán, manh mún, chưa hình thành được nhiều vùng sản xuất tập trung với quy mô lớn. Kết quả

thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tái cơ cấu ngành còn chậm; diện tích sản xuất ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, hướng hữu cơ chưa nhiều.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến tuy có được các ngành, các cấp quan tâm nhưng chưa được sâu rộng.

- Một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp đòi hỏi người dân phải đầu tư chi phí đối ứng ban đầu tương đối lớn, từ đó dẫn đến việc đăng ký tham gia của người dân còn hạn chế.

- Chính sách áp dụng cơ chế hỗ trợ sau đầu tư, đây cũng là một hạn chế nhất định, do nhà đầu tư phải bỏ ra chi phí ban đầu để đầu tư.

- Do tình hình giá cả thị trường những năm không ổn định, giá vật tư nông nghiệp tăng cao, giá nông sản không tăng (*thậm chí còn giảm*). Tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, xu hướng hiện nay là người dân sẽ chuyển đổi đất lúa sang trồng các loại cây trồng khác là rất lớn nằm ngoài vùng quy hoạch của địa phương, nguy cơ đất trồng lúa thực tế sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới.

- Một số địa phương yêu cầu tổ chức, cá nhân phải chuyển đất lúa mới được hỗ trợ. Điều này không đúng theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác, cho phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. Đất trồng lúa sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo quy định tại Điều này được thống kê là đất trồng lúa (*Điều 13*).

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Công tác tổ chức triển khai thực hiện**

a) Kịp thời ban hành văn bản hoặc tham mưu ban hành văn bản để tổ chức triển khai thực hiện:

- Tham mưu UBND tỉnh các báo cáo theo Kế hoạch số 179/KH-ĐGS ngày 12/7/2021 của Đoàn giám sát số 1 của HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2020-2021 và các báo cáo, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh sau giám sát.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành 05 quyết định: Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 phê duyệt Kế hoạch giao khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2021; Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc điều chỉnh nội dung tại điểm g khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 phê duyệt Kế hoạch giao khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2022; Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 phê duyệt Kế hoạch giao khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2023.

- Phối hợp Sở Tài chính ban hành: Hướng dẫn liên Sở số 133/HDLS-SNN&PTNT-STC ngày 08/05/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT-Sở Tài chính về việc thực hiện quy trình chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của HĐND tỉnh Trà Vinh; Hướng dẫn số 1561/SNN-VP ngày 12/8/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh, bổ sung Hướng dẫn liên Sở số 133/HDLS-SNN&PTNT-STC.

- Tham mưu và trả lời các kiến nghị của cử tri theo chỉ đạo của UBND tỉnh các nội dung liên quan về chính sách hỗ trợ. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở triển khai nghị quyết đến toàn thể cán bộ, công chức.

b) Phối hợp, các sở, ban, ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ, gồm:

Tổ chức hội thảo tại tỉnh (01 cuộc, 35 người) triển khai đến các sở, ban ngành, hội, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, phòng Kinh tế, phòng Nông nghiệp và PTNT.

- Triển khai trực tiếp (21 cuộc, 511 người) tại huyện cho cán bộ ban ngành huyện, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Tuyên truyền (205 lớp, 3.182 người) cho tổ chức, cá nhân trực tiếp thụ hưởng chính sách.

- Lồng ghép qua các cuộc họp, tập huấn (547 lớp, 13.548 lượt người).

- Tuyên truyền qua Đài truyền hình Trà Vinh, báo Trà Vinh, Đài Phát thanh cấp huyện (168 chuyên mục, bản tin), website của Sở Nông nghiệp và PTNT, Tờ tin nông nghiệp, nông thôn,...

## **2. Kết quả giải ngân**

Tổng số: 34.248.108.000 đồng, đạt 47,23% kinh phí phân bổ. Trong đó: 26.313.668.000 đồng chi từ ngân sách để thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và 7.934.440.000 đồng từ nguồn kinh phí khác.

a) Chính sách hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP): 38 cơ sở (lượt), số tiền 3.521.120.000 đồng (trong đó, 3.288.120.000 đồng chi theo kinh phí phân bổ từ Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021, Quyết định 1012/QĐ-UBND ngày 09/6/2022, Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/7/2021, Quyết định 3053/UBND ngày 30/12/2021 và 233.000.000 đồng chi từ nguồn ngân sách khác).

- Hỗ trợ kinh phí xác định vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất theo VietGAP: 06 cơ sở, số tiền 120.000.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí để thuê tư vấn kỹ thuật, đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động tại cơ sở sản xuất áp dụng VietGAP: 06 cơ sở, số tiền 229.000.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí để thuê tổ chức đánh giá, chứng nhận VietGAP lần đầu hoặc cấp lại đối với các cơ sở chưa được hỗ trợ: 14 cơ sở (13 cấp mới, 01 cấp lại), số tiền 916.000.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí cải tạo ao nuôi, mua máy móc và trang thiết bị phục vụ

nuôi, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải, nhà vệ sinh tự hoại (sử dụng cho người): 10 cơ sở, số tiền 1.965.000.000 đồng (*tôm thẻ chân trắng*).

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng hoặc cải tạo kho chứa nguyên liệu, thức ăn, kho chứa dụng cụ chăn nuôi, mua máy móc và trang thiết bị phục vụ chăn nuôi, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống: 02 cơ sở, số tiền 291.120.000 đồng (*chăn nuôi heo*).

b) Chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ rau an toàn: 41 cơ sở, số tiền 2.580.000.000 đồng.

- Hỗ trợ sản xuất rau an toàn trong nhà lưới, rau thủy canh: 40 cơ sở, số tiền 2.530.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới hở và hệ thống tưới phục vụ sản xuất rau an toàn: 26 cơ sở, 3,4 ha, số tiền 1.300.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới kín và hệ thống tưới phục vụ sản xuất rau an toàn: 14 cơ sở, 1,88 ha, số tiền 1.230.000.000 đồng.

- Hỗ trợ thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn, VietGAP: 01 cơ sở 50.000.000 đồng.

c) Chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía: 440 cơ sở, 11.553.037.000 đồng.

- Hỗ trợ trồng mới hoặc cải tạo vườn cây ăn quả, vườn cây dứa: 440 cơ sở, diện tích 683,154 ha, số tiền 11.553.037.000 đồng.

+ Năm thứ nhất: 419 cơ sở, diện tích 472,154 ha, số tiền 9.443.077.000 đồng

+ Năm thứ hai: 21 cơ sở, diện tích 211 ha, số tiền 2.109.960.000 đồng.

d) Chính sách hỗ trợ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả: 79,51 ha, số tiền 745.800.000 đồng.

- Sản xuất rau: 19 cơ sở, diện tích 69,2 ha, số tiền 552.900.000 đồng.

- Trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi: 12 cơ sở, 8,95 ha, số tiền 178.900.000 đồng.

- Trồng lúa kết hợp nuôi thủy sản: 03 cơ sở, 1,4 ha, số tiền 14.000.000 đồng.

đ) Chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP: 574.560.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm và xây dựng câu chuyện sản phẩm: 12 sản phẩm (cơ sở), số tiền 74.560.000 đồng.

- Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP: 04 cửa hàng (cơ sở), số tiền 200.000.000 đồng.

- Hỗ trợ mua máy móc và trang thiết bị, dây chuyền sản xuất cho cơ sở ngành nghề nông thôn có sản phẩm đạt OCOP (*Hệ thống cân may bao bán tự động 05-50kg*): 01 máy (cơ sở), số tiền 300.000.000 đồng.

e) Chính sách hỗ trợ phát triển trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ: 9.497.105.000 đồng (*Trong đó, 3.101.115.000 đồng chi theo kinh phí phân bổ từ*

*Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021, Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 và 6.395.990.000 đồng chi từ nguồn ngân sách khác của tỉnh).*

- Hỗ trợ phát triển trồng rừng sản xuất (rừng đước) 143,1 ha và trồng cây phân tán 430.078 cây, số tiền 6.395.990.000 đồng (*từ nguồn kinh phí khác của tỉnh*).

- Hỗ trợ về khoán bảo vệ rừng: 3.310 hộ, số tiền 2.998.215.000 đồng.

- Hỗ trợ cho Tổ quản lý bảo vệ rừng: 98 tổ, số tiền 102.900.000 đồng.

g) Chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm: 4.270.423.750 đồng (*Trong đó, 2.964.973.750 đồng chi theo kinh phí phân bổ từ Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 30/9/2021, Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 và 1.305.450.000 đồng chi từ nguồn ngân sách của huyện*).

- Hỗ trợ xăng xe đi lại cho tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công tác tiêm phòng và điều trị gia súc, gia cầm bị bệnh, sóc vắc xin sau khi tiêm phòng vắc xin: 77.138 hộ, số tiền 385.690.000 đồng.

- Hỗ trợ người dẫn đường tiêm phòng vắc xin hoặc dẫn đường khử trùng, tiêu độc 513.897 hộ, số tiền 2.569.485.000 đồng.

+ *Hỗ trợ người dẫn đường tiêm phòng vắc xin: 79.276 hộ, số tiền 396.380.000 đồng.*

+ *Hỗ trợ người dẫn đường khử trùng, tiêu độc: 434.621 hộ, số tiền 2.173.105.000 đồng.*

- Hỗ trợ gia súc, gia cầm bị sự cố khi tiêm phòng: 01 trường hợp gia súc, số tiền 9.798.750 đồng.

- Chi phí tiêu hủy gia súc, gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm<sup>1</sup>: 22.835 con, số tiền 1.305.450.000 đồng (*từ nguồn kinh phí của huyện*).

Heo (*bệnh Dịch tả heo Châu Phi*): 22.100 con, số tiền 1.158.450.000 đồng.

Trâu, bò (*bệnh viêm da nổi cục*): 735 con, số tiền 147.000.000 đồng

h) Chính sách hỗ trợ ngư dân sắm, lắp đặt thiết bị VMS trên tàu cá: 1.506.062.000 đồng.

+ Lắp thiết bị VMS: 76 tàu cá, số tiền 595.982.000 đồng.

+ Cước phí thuê bao dịch vụ vệ tinh (tháng): 3.792 tháng, số tiền 910.080.000 đồng.

### **3. Đánh giá tác động, hiệu quả, sự phù hợp của chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp với điều kiện thực tế hiện nay**

a) *Chính sách hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)*

Mặc dù giá cả thị trường không ổn định, tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, mục tiêu của chính sách nhằm hỗ trợ, khuyến khích sản xuất VietGAP nhằm bảo đảm chất lượng an toàn vệ sinh

<sup>1</sup> Số liệu từ ngày 07/12/2021 đến 31/12/2022, tiêu hủy 735 con bò, mắc bệnh Viêm da nổi cục; 22.100 con heo mắc bệnh Dịch tả heo Châu Phi.

thực phẩm, bảo vệ môi trường và sức khỏe, an sinh xã hội cho người lao động đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; khuyến khích công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp là xu hướng sản xuất trên thế giới và trong nước. Vì vậy, chính sách hiện nay là phù hợp, cụ thể năm 2021-2022 có 38 cơ sở (lượt) được hỗ trợ và năm 2023 có 242 cơ sở (lượt) đăng ký.

*b) Chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP*

Thực hiện Chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thực hiện Chương trình OCOP nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thúc đẩy chế biến, liên kết và gắn với vùng nguyên liệu địa phương tạo ra sản phẩm OCOP đặc sắc, có giá trị cao; đã từng bước hỗ trợ máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất sản phẩm; cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và tiêu thụ hàng hóa trên thị trường góp phần thúc đẩy phát triển Chương trình OCOP, gia tăng giá trị và tăng thu nhập cho người dân. Chưa phát sinh bất cập, khó khăn, vướng mắc, hiện chính sách phù hợp. Năm 2021-2022, chính sách hỗ trợ 17 cơ sở, năm 2023 đăng ký 45 cơ sở (lượt) đăng ký.

*c) Chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ rau an toàn*

Chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh rau an toàn trên địa bàn tỉnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu rau an toàn đảm bảo vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Thực hiện tốt an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản theo quy định của pháp luật. Thúc đẩy việc hình thành các mối liên kết thu mua, phân phối, tiêu thụ sản phẩm rau an toàn; xây dựng những điểm tiêu thụ sản phẩm rau an toàn tạo được sự tin cậy đối với người tiêu dùng. Khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

Năm 2021-2022, mặc dù gặp nhiều khó khăn, trở ngại về giá cả thị trường, dịch bệnh nhưng chính sách này đã hỗ trợ 41 cơ sở (lượt), năm 2023 có 53 cơ sở (lượt) đăng ký, chính sách hiện nay là phù hợp.

*d) Chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía*

Chính sách hỗ trợ một phần chi phí cho các tổ chức, cá nhân để chuyển đổi vườn tạp và chuyển đổi đất trồng mía kém hiệu quả sang các loại cây trồng, vật nuôi, nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao hơn. Từ đó (sẽ) góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế vườn cây ăn quả chủ lực và vườn cây dứa theo định hướng của tỉnh về phát triển một số cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh; nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống của các nhà vườn trong tỉnh. Khuyến khích sản xuất tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao; đồng thời, tạo điều kiện hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm.

Năm 2021-2022, chính sách này đã hỗ trợ 683,154 ha; năm 2023 đăng ký 430,83 ha, chính sách hiện nay là phù hợp, tuy nhiên về quy mô diện tích trồng

mới hoặc cải tạo từ 02 ha trở lên là cao gây khó tổ chức, cá nhân tiếp cận chính sách.

*d) Chính sách hỗ trợ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả*

Việc chuyển đổi cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây ăn quả, rau màu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đa dạng hóa cây trồng tạo ra nhiều loại, sản phẩm nông nghiệp tăng thu nhập cho người nông dân. Tuy nhiên, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng của người dân còn mang tính tự phát, không đăng ký chuyển đổi với chính quyền địa phương; bên cạnh đó, một số địa phương chưa chủ động thực hiện nội dung này (*liên hệ với tổ chức phân tích, lấy mẫu đất*) dù Sở Nông nghiệp và PTNT đã hướng dẫn.

Năm 2021-2022, hỗ trợ 79,51 ha; năm 2023 đăng ký 456,20 ha.

*e) Chính sách hỗ trợ phát triển trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ*

Việc hỗ trợ chính sách vào công tác bảo vệ rừng sẽ góp phần tăng thu nhập cho người dân tham gia bảo vệ rừng, khuyến khích người dân tham gia bảo vệ rừng tốt hơn, hạn chế để xảy ra các trường hợp phá rừng, khai thác rừng trái phép. Thông qua việc giữ rừng người dân còn tận dụng diện tích dưới tán rừng để nuôi thủy sản tăng thêm thu nhập để người dân ngày càng gắn bó hơn với rừng

*g) Chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm*

Chính sách đã nâng cao được tinh thần trách nhiệm, an tâm thực hiện nhiệm vụ cho lực lượng thực hiện công tác phòng chống, dịch bệnh động vật tại địa phương; giúp người chăn nuôi hưởng ứng tốt công tác tiêm phòng các loại vắc-xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Từ đó, công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh được thực hiện hiệu quả hơn, góp phần ổn định đời sống kinh tế, xã hội của người chăn nuôi. Hiện, chính sách vẫn còn phù hợp.

*h) Chính sách hỗ trợ ngư dân sắm, lắp đặt thiết bị VMS trên tàu cá*

Chính sách hướng đến mục tiêu hỗ trợ 100% tàu cá (dài trên 15m) của tỉnh được lắp đặt VMS để có thể truy xuất nguồn gốc, theo dõi quá trình đánh bắt, kiểm soát hoạt động đánh bắt cá trái phép, không theo quy định; hỗ trợ hoạt động cứu hộ, cứu nạn (nếu có). Lắp đặt thiết bị VMS trên tàu cá để hỗ trợ ngư dân vượt qua khó khăn, an tâm bám biển phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh chủ quyền biển đảo.

Toàn tỉnh có 262 tàu cá (dài trên 15m), đến nay đã có 76 tàu cá được hỗ trợ lắp đặt thiết bị VMS và 158 tàu được hỗ trợ cước thuê bao vệ tinh.

Hiện nay, chính sách vẫn còn phù hợp, chưa phát sinh bất cập, khó khăn, vướng mắc.

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG TỒN TẠI, BẤT CẬP TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2021/NQ-HĐND NGÀY 19/3/2021 CỦA HĐND TỈNH VÀ GIẢI PHÁP ĐÃ THÁO GỖ**

#### **I. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ QUY TRÌNH THỰC HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (VIETGAP)**

##### **1. Nội dung tồn tại, bất cập**

a) Chính sách hỗ trợ sau đầu tư. Tuy nhiên, sản xuất đạt tiêu chuẩn GAP tốn kém nhiều chi phí, người dân khó khăn, ngại bỏ vốn ra trước.

b) Định mức về cải tạo ao hồ, hỗ trợ máy móc trong nuôi tôm thâm canh mật độ cao.

##### **2. Giải pháp đã tháo gỡ tồn tại, bất cập**

a) Theo Điều 2 của Quy định: “Các chính sách tại Quy định này được thực hiện theo phương thức hỗ trợ sau đầu tư.”. Mục đích tránh hỗ trợ theo phong trào và chính sách hỗ trợ được thực chất, đúng đối tượng. Vì vậy, các địa phương cần tổ chức, tuyên truyền cho cơ sở về lợi ích sản xuất VietGAP.

b) Nội dung này Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Hướng dẫn số 105/HD-SNN ngày 23/6/2021.

Hiện chính sách vẫn còn phù hợp.

#### **II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁC CƠ SỞ THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

##### **1. Nội dung tồn tại, bất cập**

Chưa phát sinh tồn tại, bất cập.

##### **2. Giải pháp đã tháo gỡ tồn tại, bất cập**

Hiện chính sách vẫn còn phù hợp.

#### **III. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT, TIÊU THỤ RAU AN TOÀN**

##### **1. Nội dung tồn tại, bất cập**

Chưa phát sinh tồn tại, bất cập.

##### **2. Giải pháp đã tháo gỡ tồn tại, bất cập**

Hiện chính sách vẫn còn phù hợp.

#### **IV. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VƯỜN CÂY ĂN QUẢ, VƯỜN CÂY DỪA, VƯỜN TẠP, ĐẤT TRỒNG MÍA**

##### **1. Nội dung tồn tại, bất cập**



a) Cần giảm diện tích hỗ trợ tối thiểu 02 ha xuống còn 01 ha theo điểm b, khoản 1, Điều 8, Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và mở rộng diện tích liên kết từ 50 ha lên cao hơn.

b) Yêu cầu việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đối với cây trồng lâu năm là phải gắn liền với việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất (kể trường giấy chứng nhận là đất lúa nhưng người dân đã chuyển lên vườn nhiều năm và có nằm trong quy hoạch được phép chuyển đổi sang cây lâu năm).

## **2. Giải pháp đã tháo gỡ tồn tại, bất cập**

a) Quy định: “*Quy mô diện tích trồng mới hoặc cải tạo từ 02 ha trở lên, liền thửa hoặc không liền thửa (có thể nhiều khu vực với nhau trong cùng một ấp, khóm hoặc liền ấp, khóm trong cùng một xã trong phạm vi 50 ha)*” (Điểm b khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh) đã được lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương và kế thừa từ Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020. Nội dung này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác, Nghị định không quy định phải “chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm”. Tại khoản 5 Điều 13 cũng ghi rõ: “5. Đất trồng lúa sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo quy định tại Điều này được thống kê là đất trồng lúa.”. Trình tự thủ tục thực hiện theo Điều 13 của Nghị định số 94/2019/NĐ-CP.

Để triển khai, thực hiện Nghị định số 94/2019/NĐ-CP, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/4/2021 chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, phân bổ chỉ tiêu cho từng địa phương, từng năm. Căn cứ vào Kế hoạch số 32/KH-UBND, UBND các huyện cần xây dựng kế hoạch cụ thể của huyện (nếu như các huyện chưa xây dựng kế hoạch). Từ đó, căn cứ kế hoạch của huyện, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch cụ thể của xã để tổ chức triển khai thực hiện.

Hiện nay chính sách vẫn còn phù hợp. Cần sửa đổi, điều chỉnh “*Quy mô diện tích trồng mới hoặc cải tạo từ **01 ha** trở lên, liền thửa hoặc không liền thửa (có thể nhiều khu vực với nhau trong cùng một ấp, khóm hoặc liền ấp, khóm trong cùng một xã trong phạm vi 50 ha)*”.

Hiện chính sách vẫn còn phù hợp.

## **V. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI ĐẤT LÚA KÉM HIỆU QUẢ**

### **1. Nội dung tồn tại, bất cập**

a) Cách xác định đất lúa kém hiệu quả.

b) Giảm diện tích chuyển đổi trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng vật nuôi khác để nhiều đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ

## **2. Giải pháp đã tháo gỡ tồn tại, bất cập**

a) Việc xác định đất lúa kém hiệu quả thực hiện theo khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Cụ thể, về sử dụng kinh phí hỗ trợ, ngoài hỗ trợ cho người trồng lúa với mức “*Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.*”. Phần kinh phí còn lại để thực hiện các việc sau: “*a) Phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo phù hợp.*”. Nội dung này cũng đã được quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP.

Hàng năm, các địa phương được Sở Tài chính cấp kinh phí để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (trong đó có nội dung phân tích đất). Việc lấy mẫu đất và phân tích đất do tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hướng dẫn các địa phương liên hệ với các viện trường (như: Trường Nông nghiệp – Khoa Khoa học Đất của Trường đại học Cần Thơ) để được hỗ trợ.

b) Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND khuyến khích sản xuất tập trung, vì vậy, nếu diện tích một hộ chưa đủ đáp ứng điều kiện để được hỗ trợ thì có thể liên kết nhiều hộ (thành lập tổ hợp tác) để được hưởng hỗ trợ.

Hiện chính sách vẫn còn phù hợp.

## **VI. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TRỒNG RỪNG VÀ BẢO VỆ RỪNG PHÒNG HỘ**

### **1. Nội dung tồn tại, bất cập**

Chưa phát sinh.

### **2. Giải pháp đã tháo gỡ tồn tại, bất cập**

Hiện chính sách vẫn còn phù hợp.

## **VII. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH GIA SÚC, GIA CẦM**

### **1. Nội dung tồn tại, bất cập**

a) Mức hỗ trợ gia súc, gia cầm bị sự cố khi tiêm phòng cho phù hợp với giá thực tế ngoài thị trường để người chăn nuôi tái sản xuất

Tại khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND về việc hỗ trợ gia súc, gia cầm bị sự cố khi tiêm phòng thực hiện theo điểm b khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể

- Hỗ trợ 38.000 đồng/kg hơi đối với lợn;

- Hỗ trợ 45.000 đồng/kg hơi đối với trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai; Hỗ trợ 35000 đồng/con gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng).

Do giá cả thường xuyên biến động và định mức trên không phù hợp với giá cả thực tế ngoài thị trường, người chăn nuôi không đủ điều kiện tái sản xuất khi gia súc, gia cầm bị sự cố tiêm phòng và chậm khai báo hoặc bán chạy gia súc, gia cầm bị bệnh, làm tăng nguy cơ lây lan dịch bệnh khi có dịch bệnh xảy ra, gây khó khăn cho công tác dập dịch tại địa phương. Đề nghị hỗ trợ 80% mức giá thị trường tại thời điểm xảy ra sự cố tiêm phòng hoặc xảy ra dịch bệnh.

b) Bổ sung quy định về việc hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh Đại (hỗ trợ xăng xe cho người thực hiện công tác tiêm phòng, tiền công tiêm phòng, công dẫn đường tiêm phòng, hỗ trợ tiêu hủy).

c) Sản phẩm gia súc, gia cầm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Luật Thú y

## 2. Giải pháp đã tháo gỡ tồn tại, bất cập

a) Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND có quy định: “*Khi các văn bản quy định về chính sách hỗ trợ dẫn chiếu để áp dụng Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế*”. Định mức hỗ trợ tại khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND về việc hỗ trợ gia súc, gia cầm bị sự cố khi tiêm phòng thực hiện theo điểm b khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ. Chính phủ đã lấy ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2017/NĐ-CP (nhưng chưa ban hành chính sách mới), do vậy, đề xuất này chưa có cơ sở để điều chỉnh. Ngoài ra, việc hỗ trợ (%) mức giá thị trường tại thời điểm rất khó thực hiện, vì giá luôn biến động trong ngày, trong tuần và theo từng địa phương, cơ quan định giá,... Điều này đã chứng minh sự khó khăn qua hỗ trợ (%) mức giá thị trường tại thời điểm khi tiêu hủy lợn (heo) do bị bệnh Dịch tả heo Châu Phi năm 2019.

b) Bệnh Đại chó, mèo là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, thuộc danh mục bệnh phải công bố dịch (tại mục 1, Phụ lục 01 về danh mục bệnh động vật trên cạn phải công bố dịch) và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh (tại Phụ lục 15 về hướng dẫn phòng, chống bệnh Đại động vật) theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, bệnh Đại chó, mèo chưa có văn bản hướng dẫn, quy định về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh như đối với gia súc, gia cầm, do đó, không có cơ sở sửa đổi, bổ sung vào Nghị quyết. Mặt khác, các chính sách hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia phòng, chống bệnh thực hiện theo Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 21/8/2013 của UBND tỉnh. Vì vậy, cần điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia phòng, chống bệnh Đại vào Quyết định số 1554/QĐ-UBND.

c) Nội dung này quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Luật Thú y

Hiện chính sách vẫn còn phù hợp.

Cần điều chỉnh “Sản phẩm gia súc, gia cầm theo quy định tại **điểm a** khoản 2 Điều 3 của Luật Thú y”.

## **VIII. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN SẴM, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VMS TRÊN TÀU CÁ**

### **1. Nội dung tồn tại, bất cập**

Chưa phát sinh.

### **2. Giải pháp đã tháo gỡ tồn tại, bất cập**

Hiện chính sách vẫn còn phù hợp.

## **IX. NỘI DUNG TỒN TẠI, BẤT CẬP KHÁC**

### **1. Nội dung tồn tại, bất cập**

a) Cần hướng dẫn về việc viết phương án sản xuất, thủ tục về hóa đơn tài chính,...

b) Mở rộng đối tượng cây trồng được hưởng chính sách hỗ trợ: Ôi, sầu riêng,...

c) Trường hợp Kế hoạch hàng năm đã duyệt nhưng địa phương (xã) không thực hiện hết, chuyển sang xã khác.

d) Nguồn kinh phí thực hiện chính sách chưa phân bổ đúng với khối lượng và kinh phí đã được UBND tỉnh phê duyệt từ đầu năm để địa phương kịp thời hỗ trợ. Các địa phương, đơn vị chưa khen thưởng để động viên, khích lệ những tập thể, cá nhân tích cực và phê bình, kiểm điểm những tổ chức, cá nhân thiếu tích cực trong triển khai, thực hiện chính sách.

### **2. Giải pháp đã tháo gỡ tồn tại, bất cập**

a) Đã có hướng dẫn tại Công văn số 938/STC-NS ngày 08/4/2022 của Sở Tài chính về việc thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Công văn số 1513/STC-NS ngày 16/6/2022 của Sở Tài chính về việc ý kiến về một số nội dung giải trình kiến nghị của Đoàn giám sát số 1 HĐND tỉnh; Công văn số 1337/SNN-VP ngày 08/7/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phản hồi Công văn số 30/NN ngày 25/5/2022 của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Càng Long; Công văn số 1561/SNN-VP ngày 12/8/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh, bổ sung Hướng dẫn liên sở số 133/HDLS-SNN&PTNT-STC,...

b) Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh có các chính sách hỗ trợ cho cây trồng không phải chủ lực của tỉnh (thí dụ như: ôi, sầu riêng), cụ thể:

- Chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP (Điều 6 của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025).

- Chính sách quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, chuyển đổi từ vườn tạp, đất trồng mía sang các loại cây trồng ngoài danh mục quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, được hỗ trợ 3.000.000 đồng/1,0 ha - 4.000.000 đồng/1,0 ha.

c) Tại điểm a khoản 1 mục II của Hướng dẫn số 133/HDLS-SNN&PTNT-STC ngày 05/8/2021 Liên sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính, hướng dẫn như sau: “a) Trước ngày 05 tháng 8 hàng năm, căn cứ tình hình thực tế Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch năm tiếp theo cho các chính sách tại Điều 5, Điều 7, Điều 8 và Điều 9, gồm: Khối lượng và dự toán kinh phí, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp.”. Vì vậy, về địa điểm và cơ sở (tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách), do Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm và phải đảm bảo địa điểm, sơ sở đáp ứng theo quy định của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Nội dung này, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chỉ đạo tại Công văn số 2702/UBND-NN ngày 27/6/2022 về việc chấn chỉnh việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh. Trong đó, tập trung tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo tốt công tác giải ngân; sơ kết, tổng kết việc thực hiện để có đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết cho phù hợp.

### PHẦN III

## TRỰC TRẠNG CÂY DƯỢC LIỆU (THUỐC NAM)

### I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Theo báo cáo tổng hợp kết quả khoa học công nghệ đề tài “Nghiên cứu đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc nam và xây dựng mô hình vườn thuốc nam bản địa tại tỉnh Trà Vinh” (5/2023), đã ghi nhận 286 loài cây thuốc nam tại tỉnh Trà Vinh nằm trong 94 họ, thuộc 43 bộ và 43 bộ ngành thực vật, trên 4 sinh cảnh đặc trưng của vùng: vườn trồng cây, giồng cát, vùng trồng lúa và khu vực nuôi trồng thủy sản. Trong đó, xác định 05 loài hiện nằm trong Sách Đỏ Việt Nam, đó là: Dy Cốt - *Zygostelma benthamii* Baill, Trâm hung đẹp - *Raphistemma hooperianum*, Cốt toái bỏ - *Drynaria fortunei* (Kuntze ex Mett), Chùm Lé - *Azima sarmentosa* (B1.) Benth. & Hook và Ba gạc hoa đỏ *Rauwolfia serpentine*. 4 loài cây thuốc thông dụng và tiềm năng tại Trà Vinh, gồm: Gừng gió (*Zingiber zerumbet*), Kiến cò (*Rhinacanthus nasutus*), Dây thần thông (*Tinospora cordifolia*) và Ô rô trắng (*Acanthus ebracteatus* Vahl).

Về sử dụng thuốc nam trong chăm sóc y tế của các hộ gia đình ở Trà Vinh, thì số lượng bệnh nhân tìm kiếm liệu pháp thay thế và thảo dược đang tăng lên theo cấp số nhân. Có 8 bài thuốc thường được sử dụng, gồm: *Bài thuốc căn bản* dùng để giải độc, trị cảm và các bệnh thông thường; *Bài thuốc trị cảm sốt, đầu thống* trị nhức đầu, ho, đau mắt, sốt và đau họng; *Bài thuốc trị cảm hàn*, giải phong hàn, làm cho ấm huyết mạch; *Bài thuốc có tác dụng mát gan, thanh nhiệt*; *Bài thuốc trị đau lưng, nhức mỏi*; *Bài thuốc sử dụng cho phụ nữ trị đau bụng hành kinh* và *Bài thuốc trị mắt ngủ không tổn thương thực thể*. Có 61 loài cây thuốc 36 họ khác nhau thường được sử dụng trong 8 bài thuốc trên.

Theo Báo cáo số 22/BC-HĐYCC ngày 22/8/2023 của Ban Chấp hành Hội đồng y - Châm cứu tỉnh Trà Vinh, ‘hiện nay toàn tỉnh có 186 vườn thuốc Nam mẫu trồng 70 cây thuốc theo quy định của Bộ Y tế, Hội còn tận dụng cây thuốc mọc hoang thiên nhiên và trồng trong vườn cây ăn trái nhằm đảm bảo đủ số lượng thuốc để điều trị bệnh cho Nhân dân’. Phát triển trồng, sử dụng cây thuốc nam chỉ là tuyên truyền trong dân và hội viên Hội đồng y các cấp.

Như vậy, có thể thấy rằng, cây dược liệu, cây dược liệu quý (hay còn gọi là thuốc nam) trên địa bàn tỉnh đã và đang trồng, khai thác chủ yếu để điều trị bệnh, chưa được đầu tư khai thác theo hướng lợi ích kinh tế, chưa phát triển dược liệu theo hướng sản xuất hàng hóa hoặc bảo tồn.

## **II. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP CÂY DƯỢC LIỆU**

**1. Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu**

**Điều 6. Hỗ trợ áp dụng công nghệ nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt**

1. Xây dựng mô hình áp dụng công nghệ nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt: Hỗ trợ 100% chi phí giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đối với mô hình trồng trọt, theo định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2. Hỗ trợ 01 lần 100% chi phí cấp chứng nhận nuôi trồng và khai thác dược liệu tuân thủ Thực hành nuôi trồng, khai thác dược liệu tốt.

3. Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn kỹ thuật cho người trực tiếp nuôi trồng và khai thác theo nội dung và định mức chi quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông và các văn bản hướng dẫn (Nghị định số 02/2010/NĐ-CP được thay thế bởi Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông).

**2. Nghị quyết số 03/2021/NQ-HDND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025**

**Điều 6. Chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP**

1. Hỗ trợ sản xuất sản phẩm OCOP

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% kinh phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm và xây dựng câu chuyện sản phẩm nhưng không quá 10.000.000 đồng/sản phẩm.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Cơ sở được cấp thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm đạt sản phẩm OCOP từ 03 sao trở lên.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP với diện tích, mức hỗ trợ theo điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy định này (Hỗ trợ một lần kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn với diện tích tối thiểu 20m<sup>2</sup>/cửa hàng. Mức hỗ trợ: 50.000.000 đồng/cửa hàng).

**Điều 8. Chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía**

Điểm a khoản 2 Điều 8: Chuyển đổi từ vườn tạp, đất trồng mía sang các loại cây trồng ngoài danh mục quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, được hỗ trợ 3.000.000 đồng/1,0 ha - 4.000.000 đồng/1,0 ha.

## PHẦN IV

### ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2021/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH

#### I. SỰ CẦN THIẾT

- Thực hiện Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu.

- Thực hiện Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Thông tư số 35/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Thông tư số 19/2019/TT-BYT ngày 30/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên.

- Thực hiện Thông báo số 1932-TB/VPTU ngày 22/7/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo kết luận của Thường trực tỉnh ủy. Tại mục 2: “2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh trình lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét lại các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về các chính sách hỗ trợ cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh có nội dung nào quy định hỗ trợ trồng cây dược liệu chưa, nếu đã có thì căn cứ nghị quyết để áp dụng hỗ trợ, nếu chưa có thì báo cáo đề xuất bổ sung nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh vào Kỳ họp thứ 10 (kỳ họp chuyên đề)...”. Hiện tại, qua rà soát chính sách hỗ trợ cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh chưa có nội dung nào quy định hỗ trợ trồng cây dược liệu.

- Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số

3399/UBND-NN ngày 03/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung vào Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất: "...nghiên cứu bổ sung nội dung quy định hỗ trợ trồng cây dược liệu... đề xuất trình sửa đổi, bổ sung vào Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất theo ý kiến chỉ đạo của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh..."

- Căn cứ thực tiễn triển khai, thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 (đã nêu).

## **II. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2021/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Theo khoản 1 Điều 1 của Quy định chính sách hộ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 (Kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh).

### **2. Đối tượng áp dụng**

Theo khoản 2 Điều 1 của Quy định chính sách hộ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 (Kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh).

### **3. Nội dung**

a) Sửa đổi, bổ sung "Điều 5. Chính sách hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)"

Hỗ trợ cho cơ sở một lần tại chu kỳ sản xuất đầu tiên trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý áp dụng VietGAP hoặc chu kỳ tái sản xuất đối với những cơ sở đã được chứng nhận áp dụng VietGAP nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ. Cây dược liệu, cây dược liệu quý được quy định Phụ lục II Danh mục các loài dược liệu tập trung phát triển ở quy mô lớn (*Ban hành kèm theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ*) và Theo Phụ lục Danh mục 100 loại cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển (*Ban hành kèm theo Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế*); Phụ lục Danh mục loài, chủng loại dược liệu quý, hiếm và đặc hữu phải kiểm soát (*Ban hành kèm theo Thông tư số 16/TT-BYT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

*Các tác động:*

- Tác động tích cực:

+ Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu. Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo văn bản quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

+ Xây dựng cơ chế, tài chính, khoa học công nghệ, phát triển và đào tạo nguồn nhân lực để hỗ trợ sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý theo hướng Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

+ Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. Góp phần thực hiện tái cơ cấu



ngành nông nghiệp của tỉnh, đa dạng hóa cây trồng, tạo thêm việc làm. Bảo tồn, phát triển; khai thác theo hướng lợi ích kinh tế, hàng hóa của cây dược liệu, cây dược liệu quý. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển trồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

- Tác động tiêu cực: Chính sách không tác động về giới. Ngân sách phải bỏ kinh phí để hỗ trợ tổ chức, cá nhân để thực hiện chính sách.

b) Sửa đổi, bổ sung “Điều 7. Chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ rau an toàn”

Hỗ trợ một lần kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem đối với sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

*Các tác động:*

- Tác động tích cực:

+ Xây dựng cơ chế, tài chính, khoa học công nghệ để hỗ trợ sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý an toàn kiểm soát chất lượng.

+ Góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, đa dạng hóa cây trồng, tạo thêm việc làm; khai thác theo hướng lợi ích kinh tế, hàng hóa của cây dược liệu, cây dược liệu quý; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển trồng, liên kết tiêu thụ sản phẩm; tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

- Tác động tiêu cực: Chính sách không tác động về giới. Ngân sách phải bỏ kinh phí để hỗ trợ tổ chức, cá nhân để thực hiện chính sách.

c) Bổ sung “Điều 8. Chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía”

Hỗ trợ một phần chi phí cho các tổ chức, cá nhân để chuyển đổi vườn tạp và chuyển đổi đất trồng mía kém hiệu quả sang trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý.

*Các tác động:*

- Tác động tích cực:

+ Hỗ trợ chuyển đổi vườn tạp, đất trồng mía sang trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý (tính theo diện tích vườn tạp, diện tích trồng mía được chuyển đổi).

+ Xây dựng cơ chế, tài chính để hỗ trợ sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

+ Góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, đa dạng hóa cây trồng, tạo thêm việc làm. Bảo tồn, phát triển dược liệu. Tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

- Tác động tiêu cực: Chính sách không tác động về giới. Ngân sách phải bỏ kinh phí để hỗ trợ tổ chức, cá nhân để thực hiện chính sách.

d) Bổ sung “Điều 9. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả”

Hỗ trợ một lần kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hộ sản xuất trực tiếp chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý.

*Các tác động:*

- Tác động tích cực

+ Hỗ trợ tạo điều kiện cho cơ sở kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hộ sản xuất trực tiếp chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây dược liệu, cây dược liệu quý.

+ Xây dựng cơ chế, tài chính để hỗ trợ sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

+ Góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, đa dạng hóa cây trồng, tạo thêm việc làm. Bảo tồn, phát triển dược liệu. Tạo cơ sở pháp lý để cho các địa phương và các cơ quan chức năng áp dụng hỗ trợ kinh phí phát triển sản xuất cây dược liệu, cây dược liệu quý.

- Tác động tiêu cực: Chính sách không tác động về giới. Ngân sách phải bỏ kinh phí để hỗ trợ tổ chức, cá nhân để thực hiện chính sách.

đ) Các nội dung điều chỉnh khác

- Bổ sung “Điều 4. Giải thích từ ngữ”: Giải thích về “cây dược liệu”, “cây dược liệu quý”.

- Sửa đổi, bổ sung “Điểm e khoản 2 Điều 5. Chính sách hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)”: “e) Tổng diện tích mặt nước các ao nuôi tôm thâm canh mật độ cao từ 0,3 ha trở lên.”.

- Sửa đổi “Điểm b khoản 1 Điều 8. Chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía”: “*Quy mô diện tích trồng mới hoặc cải tạo từ 01 ha trở lên, liền thửa hoặc không liền thửa (có thể nhiều khu vực với nhau trong cùng một ấp, xóm hoặc liền ấp, xóm trong cùng một xã trong phạm vi 50 ha)*”.

- Sửa đổi “Điểm a khoản 4 Điều 11. Chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm”: “Sản phẩm gia súc, gia cầm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Luật Thú y”.

*Các tác động:*

- Tác động tích cực: Giúp tổ chức, cá nhân hiểu đúng, đầy đủ các chính sách hỗ trợ. Tạo điều kiện thuận lợi để triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Tác động tiêu cực

+ Chính sách không tác động về giới./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

